

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
đã được soát xét



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2 – 4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	6 – 44
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12 – 44

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Alphanam E&C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Alphanam E&C (trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện) tiền thân là Công ty TNHH Alphanam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 ngày 17 tháng 8 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH sang hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103014620 ngày 17 tháng 11 năm 2006, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện thành Công ty Cổ phần Alphanam E&C theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 ngày 10 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100520683 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm:

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện như sau:

Tên đơn vị

Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng

Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ

Đường số 2 Khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Lãnh đạo (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Minh Nhật	Phó Chủ tịch	
Ông Phan Anh Sơn	Ủy viên	
Bà Trương Thị Thu Hiền	Ủy viên	
Bà Thịnh Thị Thanh Huyền	Ủy viên	
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/5/2017
Ông Lâm Sơn Tùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/5/2017
Ông Trần Mạnh Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/5/2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Tổng Giám đốc	
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Hải Phòng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Thịnh Thị Thanh Huyền	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 27/7/2017
Bà Trương Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc Kiêm Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 25/7/2017
Ông Lê Văn Đạt	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 25/7/2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Lãnh đạo (tiếp theo)

niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

TM. Ban Lãnh đạo

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Hoàng Tuấn

Số : 270./2017/BCSX-AASCN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN LÃNH ĐẠO
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Alphanam E&C được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Alphanam E&C chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		436.128.952.572	340.556.538.041
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	5.312.397.912	3.317.784.431
1.	Tiền	111		1.452.818.579	3.317.784.431
2.	Các khoản tương đương tiền	112		3.859.579.333	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	48.160.338.516	48.160.338.516
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		48.160.338.516	48.160.338.516
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		231.965.171.764	176.059.429.340
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	165.946.386.646	125.872.432.382
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	75.206.533.922	56.088.840.070
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.370.438.947	1.608.046.109
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(10.558.187.751)	(7.509.889.221)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	149.938.404.938	111.322.129.123
1.	Hàng tồn kho	141		149.938.404.938	111.322.129.123
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		752.639.442	1.696.856.632
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	30.219.157	94.513.974
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		722.420.285	1.602.342.658
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		108.988.284.583	106.780.188.209
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		8.913.058.621	9.724.880.967
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	8.878.078.065	9.724.880.967
	- Nguyên giá	222		19.472.492.140	19.533.385.683
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.594.414.075)	(9.808.504.716)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	34.980.556	-
	- Nguyên giá	228		215.980.000	180.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(180.999.444)	(180.000.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	20.455.381.769	20.653.321.971
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.746.601.969	20.746.601.969
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(291.220.200)	(93.279.998)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		79.619.844.193	76.401.985.271
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	79.619.844.193	76.401.985.271
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		545.117.237.155	447.336.726.250

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		407.634.718.708	311.027.946.954
I.	Nợ ngắn hạn	310		399.904.218.540	303.079.938.065
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	248.633.619.794	93.826.192.386
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	98.338.042.307	153.439.016.249
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2.035.911.607	482.901.083
4.	Phải trả người lao động	314		942.686.863	825.922.714
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	118.826.916	585.531.002
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	1.950.394.536	1.720.670.336
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	5.603.530.719	7.417.629.305
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	42.281.205.798	44.782.074.990
II.	Nợ dài hạn	330		7.730.500.168	7.948.008.889
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	1.162.500.000	1.162.500.000
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	4.595.217.394	4.613.633.894
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	1.972.782.774	2.171.874.995
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.482.518.447	136.308.779.296
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.18	137.482.518.447	136.308.779.296
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		840.866.910	840.866.910
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.641.651.537	15.467.912.386
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		15.467.912.386	13.247.813.066
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.173.739.151	2.220.099.320
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		545.117.237.155	447.336.726.250

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Tuấn Trang

Trương Thị Thu Hiền

Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	463.121.868.418	194.703.534.319
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	58.690.911	170.217.386
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		463.063.177.507	194.533.316.933
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	451.077.508.510	184.376.549.298
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.985.668.997	10.156.767.635
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	117.462.872	8.946.271
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	2.385.386.514	3.263.125.111
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.187.446.312	3.148.613.994
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	1.743.997.268	3.711.184.651
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	6.733.529.396	2.577.061.633
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.240.218.691	614.342.511
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	307.731.425	55.230.753
12.	Chi phí khác	32	VI.07	30.856.273	24.745.681
13.	Lợi nhuận khác	40		276.875.152	30.485.072
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.517.093.843	644.827.583
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	343.354.692	133.911.997
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.173.739.151	510.915.586
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	98	43
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	98	43

Người lập biểu

Nguyễn Tuấn Trang

Kế toán trưởng

Trương Thị Thu Hiền

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		1.517.093.843	644.827.583
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		1.097.448.710	730.436.329
-	Các khoản dự phòng	03		3.246.238.732	(530.248.883)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(10.176)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(135.644.690)	(17.520.357)
-	Chi phí lãi vay	06		2.187.446.312	3.148.613.994
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		7.912.582.907	3.976.098.490
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(58.074.118.582)	(90.298.714.888)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(38.616.275.815)	7.284.849.428
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		99.159.378.784	84.736.861.071
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.153.564.105)	1.759.136.141
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(1.950.871.510)	(3.172.780.285)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(432.575.111)	(219.937.287)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		4.844.556.568	4.065.512.670
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(285.626.364)	(3.390.530.382)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		18.181.818	263.636.364
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		117.462.872	8.936.095
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(149.981.674)	(3.117.957.923)

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		43.908.744.407	27.429.983.859
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(46.608.705.820)	(29.439.775.984)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(2.699.961.413)	(2.009.792.125)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.994.613.481	(1.062.237.378)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		3.317.784.431	3.572.923.102
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	10.176
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		5.312.397.912	2.510.695.900

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Nguyễn Tuấn Trang

Trương Thị Thu Hiền

Bùi Hoàng Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 6 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm:

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	Đường số 2 Khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: Được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng/giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính/kế toán	03 - 05 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khung ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê văn phòng.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	365.892.267	165.474.963
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.086.926.312	3.152.309.468
- Các khoản tương đương tiền (*)	3.859.579.333	-
Cộng	<u>5.312.397.912</u>	<u>3.317.784.431</u>

(*): Tại ngày 30/6/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 3.859.579.333VND được gửi tại các ngân hàng thương mại Ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng TMCP An Bình với lãi suất từ 4%/năm đến 5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
- Tổng giá trị cổ phiếu	48.160.338.516	48.160.338.516	48.160.338.516	48.160.338.516
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây (a)	48.160.338.516	-	48.160.338.516	-
Cộng	48.160.338.516	-	48.160.338.516	-

(a) Tại ngày 30/6/2017, Công ty nắm giữ 1.521.846 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		%	%	%	%	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng							
- Đầu tư vào đơn vị khác			20.746.601.969	(291.220.200)	20.455.381.769				20.455.381.769	(93.279.998)	20.653.321.971
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn (b)	4,98%	4,98%	20.746.601.969	(291.220.200)	20.455.381.769	4,98%	4,98%	4,98%	20.455.381.769	(93.279.998)	20.653.321.971
Cộng			20.746.601.969	(291.220.200)	20.455.381.769				20.455.381.769	(93.279.998)	20.653.321.971

(b) Tại ngày 30/6/2017, Công ty nắm giữ 597.298 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyễn (mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần), tỷ lệ sở hữu 4,98%.

(*): Giá trị hợp lý được xác định theo giá trị sổ sách do không có cơ sở xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	165.946.386.646	125.872.432.382
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	53.103.211.843	74.391.132.483
- Ban QLDA các công trình điện Miền Nam	-	16.805.394.482
- Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	3.860.247.676	3.860.247.676
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	75.357.561.594	2.065.279.398
- Ban QLDA phát triển điện lực - Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	15.156.047.753	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	18.469.317.780	28.750.378.343
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	165.946.386.646	125.872.432.382

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	77.112.005.807	3.075.976.867
- Công ty Cổ phần Xây dựng-Tự động hóa và Truyền thông Vinacon	128.881.389	128.881.389
- Công ty Cổ phần Alphanam Food	710.613.601	710.613.601
- Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	804.713.019	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	75.357.561.594	2.065.279.398
- Công ty Bất động sản Hoa Anh Đào	24.215.408	42.171.285
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	86.020.796	129.031.194
Cộng	77.112.005.807	3.075.976.867

04. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	75.206.533.922	56.088.840.070
- Công ty TNHH PEO Việt Nam	-	4.620.000.000
- Công ty TNHH tư vấn DP	-	5.100.000.000
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	3.477.463.306	8.776.049.034
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	64.885.144.465	15.251.367.635
- Công ty TNHH ABB	-	5.940.905.000
- Công ty Cổ phần Công Nghệ HT&ME Việt Nam	121.167.001	882.129.981
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	6.722.759.150	15.518.388.420
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	75.206.533.922	56.088.840.070

c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	68.362.607.771	24.027.416.669
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	3.477.463.306	8.776.049.034
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	64.885.144.465	15.251.367.635
Cộng	68.362.607.771	24.027.416.669

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a. Ngắn hạn</i>	1.370.438.947	-	1.608.046.109	-
- Tạm ứng	146.360.465	-	73.009.425	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	48.125.329	-	358.127.649	-
- Phải thu khác	1.175.953.153	-	1.176.909.035	-
+ Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	220.000.000	-	220.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	955.953.153	-	956.909.035	-
Cộng	1.370.438.947	-	1.608.046.109	-

06. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty TNHH Xây dựng cao Bang - Đai Loan	1.037.788.000	-	1.037.788.000	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA25	700.000.000	-	700.000.000	-
- Công ty TNHH Thống Nhất	850.800.000	-	850.800.000	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng HT cấp nước Sông Đà - VINACONEX	1.385.095.467	-	1.385.095.467	-
- Công ty Cổ phần giấy An Hoà	3.860.247.676	1.158.074.303	3.860.247.676	1.930.123.838
- Công ty XD Công trình 507 tại Quảng Ninh-V Đàng, Truyền Hình	702.482.768	-	702.482.768	702.482.768
- Công ty Cổ phần Contrexim Hồng Hà	651.420.000	-	651.420.000	-
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Địa Long	680.000.000	340.000.000	680.000.000	680.000.000
- Tổng Công ty Điện lực Thành Phố Hà Nội	386.062.256	193.031.128	386.062.256	386.062.256
- Công ty TNHH Phương Dũng	239.384.526	119.692.263	239.384.526	239.384.526
- Ban QLDA-Sở LĐTB & Xã Hội Hà Nội	486.494.999	243.247.499	486.494.999	486.494.999
- Các khách hàng khác	1.632.457.252	-	954.661.916	-
Cộng	12.612.232.944	2.054.045.193	11.934.437.608	4.424.548.387

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
 Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	92.562.805.586	-	54.172.789.362	-
- Thành phẩm	15.268.182	-	15.268.182	-
- Hàng hoá	57.360.331.170	-	57.134.071.579	-
- Hàng gửi bán	-	-	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-	-
Cộng	149.938.404.938	-	111.322.129.123	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.078.509.040	3.397.198.775	14.291.689.760	765.988.108	19.533.385.683
- Mua trong kỳ	-	177.600.000	-	72.046.364	249.646.364
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(310.539.907)	-	(310.539.907)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.078.509.040	3.574.798.775	13.981.149.853	838.034.472	19.472.492.140
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.078.509.040	864.335.126	7.404.606.684	461.053.866	9.808.504.716
- Khấu hao trong kỳ	-	207.342.416	806.807.826	82.299.024	1.096.449.266
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(310.539.907)	-	(310.539.907)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.078.509.040	1.071.677.542	7.900.874.603	543.352.890	10.594.414.075
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	-	2.532.863.649	6.887.083.076	304.934.242	9.724.880.967
2. Tại ngày cuối kỳ	-	2.503.121.233	6.080.275.250	294.681.582	8.878.078.065

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 3.212.900.241 đồng.

Nguyên giá và Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay lần lượt là: 5.581.877.317 đồng và 4.608.359.187 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	180.000.000	180.000.000
- Mua trong kỳ	35.980.000	35.980.000
<i>Số dư cuối kỳ</i>	215.980.000	215.980.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	180.000.000	180.000.000
- Khấu hao trong kỳ	999.444	999.444
<i>Số dư cuối kỳ</i>	180.999.444	180.999.444
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	34.980.556	34.980.556

10. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	30.219.157	94.513.974
- Chi phí bảo hiểm	-	34.227.178
- Công cụ dụng cụ xuất dụng	30.219.157	44.567.432
- Các khoản khác	-	15.719.364
b. Dài hạn	79.619.844.193	76.401.985.271
- Công cụ dụng cụ xuất dụng	732.178.773	975.991.472
- Chi phí sửa chữa tại số 2 Đại Cồ Việt	2.448.493.227	3.576.453.909
- Chi phí thuê sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower ^(a)	44.487.878.848	44.969.697.022
- Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower ^(b)	21.824.242.442	22.060.606.076
- Chi phí sửa chữa văn phòng 47 Vũ Trọng Phụng (tầng 3, tầng 3B)	5.874.567.370	212.914.061
- Chi phí sửa chữa tầng 2 - 47 Vũ Trọng Phụng	943.083.656	1.119.052.506
- Thuê văn phòng 96 Định Công ^(c)	2.683.953.592	2.752.402.786
- Các khoản khác	625.446.285	734.867.439
Cộng	79.650.063.350	76.496.499.245

(a) Là chi phí thuê 2.081,7 m² sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 48.181.818.182 đồng.

(b) Là chi phí thuê 1.112,7 m² sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 23.636.363.636 đồng.

(c) Là chi phí thuê 1.782,70 m² toàn bộ tầng hầm thuộc tòa nhà B số 96 Định Công trong thời hạn từ ngày 06/6/2015 đến hết ngày 26/7/2064.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ thuê tài chính	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	44.782.074.990	44.782.074.990	44.612.961.075	47.113.830.267	42.281.205.798	42.281.205.798
- <i>Vay ngân hàng</i>	43.373.641.654	43.373.641.654	43.908.744.407	46.409.613.599	40.872.772.462	40.872.772.462
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội ^(a)	23.500.000.000	23.500.000.000	15.200.000.000	23.500.000.000	15.200.000.000	15.200.000.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm ^(b)	13.521.608.557	13.521.608.557	22.908.744.407	16.557.580.502	19.872.772.462	19.872.772.462
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(c)	6.352.033.097	6.352.033.097	5.800.000.000	6.352.033.097	5.800.000.000	5.800.000.000
- <i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	1.408.433.336	1.408.433.336	704.216.668	704.216.668	1.408.433.336	1.408.433.336
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - CN Ba Đình ^(d)	125.000.000	125.000.000	62.500.000	62.500.000	125.000.000	125.000.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(e)	595.933.332	595.933.332	297.966.666	297.966.666	595.933.332	595.933.332
+ NH TMCP Tiên Phong ^(f)	687.500.004	687.500.004	343.750.002	343.750.002	687.500.004	687.500.004
b. <i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	2.171.874.995	2.171.874.995	505.124.447	704.216.668	1.972.782.774	1.972.782.774
Từ 1 năm đến 5 năm	2.171.874.995	2.171.874.995	505.124.447	704.216.668	1.972.782.774	1.972.782.774
- <i>Vay ngân hàng</i>	2.171.874.995	2.171.874.995	505.124.447	704.216.668	1.972.782.774	1.972.782.774
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - CN Ba Đình ^(d)	281.250.000	281.250.000	-	62.500.000	218.750.000	218.750.000
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(e)	-	-	505.124.447	297.966.666	207.157.781	207.157.781
+ NH TMCP Tiên Phong ^(f)	1.890.624.995	1.890.624.995	-	343.750.002	1.546.874.993	1.546.874.993
Cộng	46.953.949.985	46.953.949.985	45.118.085.522	47.818.046.935	44.253.988.572	44.253.988.572

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội để phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất vay là từ 8,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ 3 (Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam) là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 762287 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 12 năm 2014 cho Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam, số vào sổ cấp GCN: CT 01003.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm để phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay theo từng khế ước vay nhưng không quá 10 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay trong kỳ từ 8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 2 phố Đại Cồ Việt, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội cho Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á.
- (c) Khoản vay ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam với mục đích bổ sung vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay theo từng hợp đồng là 5 tháng với lãi suất 8,5%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng việc cầm cố ô tô Rolls-Royce Phantom BKS 30A-135.92 của Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (d) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình để bù đắp chi phí đã đầu tư mua xe ô tô KIA SORENTO 07 chỗ, biển số 30E-009.31. Thời hạn vay là 48 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong năm là 10,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.
- (e) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Nam để mua máy cầu tháp. Thời hạn vay là 48 tháng. Lãi suất 11,4%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.
- (f) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong mua xe ô tô Mercedes Sbenz S400 biển kiểm soát 30E-070.61. Thời hạn vay là 48 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong năm là 7,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	248.633.619.794	248.633.619.794	93.826.192.386	93.826.192.386
- Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vương Thái Sơn	18.234.024.296	18.234.024.296	12.093.165.193	12.093.165.193
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	4.330.364.527	4.330.364.527	24.575.629.587	24.575.629.587
- Công ty Cổ phần kỹ thuật SIGMA	7.520.847.121	7.520.847.121	8.620.847.121	8.620.847.121
- Công ty TNHH Tư vấn DP	109.993.056.352	109.993.056.352	6.996.909.959	6.996.909.959
- Công ty TNHH PEO Việt Nam	11.026.591.960	11.026.591.960	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	10.750.000.000	10.750.000.000	-	-
b. Phải trả người bán dài hạn				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	86.778.735.538	86.778.735.538	41.539.640.526	41.539.640.526
Cộng	1.162.500.000	1.162.500.000	1.162.500.000	1.162.500.000
	1.162.500.000	1.162.500.000	1.162.500.000	1.162.500.000
	249.796.119.794	249.796.119.794	94.988.692.386	94.988.692.386

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	29.035.311.725	29.035.311.725	26.710.175.626	26.710.175.626
- Công ty Cổ phần Xây dựng-Tự động hóa và Truyền thông Vinacon	18.234.024.296	18.234.024.296	12.093.165.193	12.093.165.193
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	35.951.813	35.951.813	35.951.813	35.951.813
- Công ty Cổ phần Alphanam Nam Sài Gòn	49.846.716	49.846.716	38.332.722	38.332.722
- Công ty Liên doanh Fuji - Alpha	827.414.050	827.414.050	827.414.050	827.414.050
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	2.106.372.158	2.106.372.158	4.842.740.774	4.842.740.774
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	260.855.571	260.855.571	251.723.953	251.723.953
Phải trả người bán dài hạn là các bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	7.520.847.121	7.520.847.121	8.620.847.121	8.620.847.121
Cộng	1.162.500.000	1.162.500.000	1.162.500.000	1.162.500.000
	1.162.500.000	1.162.500.000	1.162.500.000	1.162.500.000
	30.197.811.725	30.197.811.725	27.872.675.626	27.872.675.626

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>				
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	98.338.042.307	98.338.042.307	153.439.016.249	153.439.016.249
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	62.096.879.782	62.096.879.782	112.472.747.433	112.472.747.433
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	26.281.021.060	26.281.021.060	24.781.021.060	24.781.021.060
	9.960.141.465	9.960.141.465	16.185.247.756	16.185.247.756
<i>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</i>				
Cộng	-	-	-	-
	98.338.042.307	98.338.042.307	153.439.016.249	153.439.016.249

c. Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	92.486.655.113	92.486.655.113	140.585.514.705	140.585.514.705
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	62.096.879.782	62.096.879.782	112.472.747.433	112.472.747.433
- Công ty Liên doanh Fuji-Alpha	26.281.021.060	26.281.021.060	24.781.021.060	24.781.021.060
- Công ty CP Foodinco Miền Trung	2.208.754.271	2.208.754.271	3.331.746.212	3.331.746.212
	1.900.000.000	1.900.000.000	-	-
Cộng	92.486.655.113	92.486.655.113	140.585.514.705	140.585.514.705

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	1.972.295.607	482.941.999	-	1.489.353.608
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	432.575.111	343.354.692	432.575.111	-	343.354.692
- Thuế thu nhập cá nhân	-	50.325.972	209.511.904	56.634.569	-	203.203.307
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	58.338.436	58.338.436	-	-
Cộng	-	482.901.083	2.583.500.639	1.030.490.115	-	2.035.911.607

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	118.826.916	585.531.002
- Chi phí lãi vay	39.526.916	49.641.731
- Trích trước chi phí công trình	79.300.000	535.889.271
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
Cộng	118.826.916	585.531.002

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	5.603.530.719	7.417.629.305
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	695.731.989	658.175.421
- Bảo hiểm xã hội	72.713.096	-
- Bảo hiểm y tế	13.050.900	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.800.400	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.816.234.334	6.759.453.884
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	3.840.000.000	6.020.000.000
+ Ông Lâm Sơn Tùng	370.315.025	370.315.025
+ Các đối tượng khác	605.919.309	369.138.859
<i>b. Dài hạn</i>	4.595.217.394	4.613.633.894
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.595.217.394	4.613.633.894
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
Cộng	10.198.748.113	12.031.263.199

17. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	1.950.394.536	1.720.670.336
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	1.950.394.536	1.720.670.336
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
Cộng	1.950.394.536	1.720.670.336

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	840.866.910	13.247.813.066	134.088.679.976
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	2.220.099.320	2.220.099.320
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	840.866.910	15.467.912.386	136.308.779.296
Số dư đầu năm nay				
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	1.173.739.151	1.173.739.151
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	120.000.000.000	840.866.910	16.641.651.537	137.482.518.447

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	72.001.000.000	60%	72.001.000.000	60%
+ Các đối tượng khác	47.999.000.000	40%	47.999.000.000	40%
Cộng	120.000.000.000	100%	120.000.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- USD	171,01	171,01
- EUR	215,71	215,71

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm Kinh doanh Địa ốc và Đầu tư phát triển công nghệ 579	5.319.868.330	5.319.868.330
Công ty Cổ phần Xây lắp Coma 25	1.284.246.975	1.284.246.975
Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô	15.418.000	15.418.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>
Doanh thu bán hàng	78.075.892.289	171.780.881.597
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.631.732.838	8.240.108.015
Doanh thu kinh doanh bất động sản	7.800.807.882	5.438.469.927
Doanh thu hợp đồng xây dựng	373.613.435.409	9.244.074.780
Cộng	463.121.868.418	194.703.534.319

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>
- Hàng bán bị trả lại	58.690.911	170.217.386
Cộng	58.690.911	170.217.386

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	76.076.325.796	165.701.669.988
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.578.196.103	6.338.897.637
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	365.775.969.979	8.938.036.785
- Giá vốn kinh doanh Bất động sản đầu tư	5.647.016.632	3.397.944.888
Cộng	451.077.508.510	184.376.549.298

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	117.462.872	8.936.095
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	10.176
Cộng	117.462.872	8.946.271

05. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Lãi tiền vay	2.187.446.312	3.148.613.994
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	197.940.202	114.511.117
Cộng	2.385.386.514	3.263.125.111

06. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	18.181.818	8.584.262
- Các khoản khác	289.549.607	46.646.491
Cộng	307.731.425	55.230.753

07. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Các khoản bị phạt hành chính	30.856.273	24.742.575
- Các khoản khác	-	3.106
Cộng	30.856.273	24.745.681

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	6.733.529.396	2.577.061.633
- Chi phí nhân viên quản lý	832.579.206	1.187.857.727
- Chi phí vật liệu quản lý	-	121.596.834
- Chi phí đồ dùng văn phòng	211.505.409	316.153.677
- Chi phí khấu hao TSCĐ	356.951.538	98.364.366
- Chi phí dự phòng	3.048.298.530	(644.760.000)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.817.442.014	853.675.217
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	466.752.699	644.173.812
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	1.743.997.268	3.711.184.651
- Chi phí nhân viên	613.922.601	2.659.065.046
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	72.667.586
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	637.201.786	834.741.363
- Chi phí khác bằng tiền	492.872.881	144.710.656
Cộng	8.477.526.664	6.288.246.284

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	343.354.692	133.911.997
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	343.354.692	133.911.997

(*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.517.093.843	644.827.583
Các khoản điều chỉnh tăng	199.679.617	24.742.575
- Chi phí phạt chậm nộp thuế	30.856.273	-
- Chi phí khấu hao xe ô tô tương ứng với phần nguyên giá vượt 1,6 tỷ	168.823.344	-
- Phạt vi phạm hành chính	-	24.742.575
Các khoản điều chỉnh giảm	-	10.176
- Lãi CLTG do đánh giá lại cuối năm của khoản phải thu TGNH	-	10.176
Thu nhập tính thuế TNDN	1.716.773.460	669.559.982
Mức thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	343.354.692	133.911.997

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&CSố 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.173.739.151	510.915.586
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.173.739.151	510.915.586
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u><u>98</u></u>	<u><u>43</u></u>

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	1.173.739.151	510.915.586
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.173.739.151	510.915.586
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u><u>98</u></u>	<u><u>43</u></u>

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017.

12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	189.999.382.823	383.586.376
- Chi phí nhân công	6.923.576.153	3.615.685.651
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.097.448.710	730.436.329
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	219.536.014.170	19.674.137.832
- Chi phí khác bằng tiền	1.264.005.216	3.847.279.099
- Chi phí dự phòng	3.048.298.530	(644.760.000)
Cộng	<u><u>421.868.725.602</u></u>	<u><u>28.251.125.287</u></u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Từ 01/01/2017</u> <u>đến 30/6/2017</u>
<i>Ông Nguyễn Tuấn Hải – Tổng Giám đốc</i>	
+ Trả tiền vay (không tính lãi)	16.588.995.627
+ Vay tiền (không tính lãi)	14.400.000.000
<i>Ông Bùi Hoàng Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị</i>	
+ Tạm ứng	28.121.000
+ Hoàn ứng	38.625.340

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ông Bùi Hoàng Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị</i>		
+ Tạm ứng	9.752.066	20.256.406
Cộng nợ phải thu	<u>9.752.066</u>	<u>20.256.406</u>
<i>Ông Nguyễn Tuấn Hải – Tổng Giám đốc</i>		
+ Phải trả ngắn hạn khác	3.840.000.000	6.020.000.000
<i>Ông Lâm Sơn Tùng – Phó Tổng Giám đốc</i>		
+ Phải trả ngắn hạn khác	370.315.025	370.315.025
Cộng nợ phải trả	<u>4.210.315.025</u>	<u>6.390.315.025</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Từ 01/01/2017</u> <u>đến 30/6/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016</u> <u>đến 30/6/2016</u>
Tiền lương, phụ cấp và thưởng	338.125.455	324.797.503
Cộng	<u>338.125.455</u>	<u>324.797.503</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Liên doanh Fuji-Alpha	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Xây dựng-Tự động hóa và Truyền thông Vinacon	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	Công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Alphanam Food	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	Công ty trong cùng hệ thống

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam		
Mua hàng	46.119.981.691	92.796.772.079
Chiết khấu thương mại được hưởng	-	611.767.191
Mua đồng phục	47.237.000	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	92.228.887.360	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	71.160.747	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á		
Chi phí thuê văn phòng và dịch vụ điện nước	2.228.019.362	1.894.569.324
Mua hàng hóa	30.000.000.000	-
Lãi vay phải trả	245.776.077	1.288.502.177
Nhập mua hàng hóa	-	40.816.655.460
Doanh thu bán hàng tại 46 Hàng Da theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	360.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.481.451	-
Công ty Liên doanh Fuji-Alpha		
Mua dịch vụ bảo trì thang máy	39.281.818	82.494.545
Mua thép	462.183.160	17.264.142.404
Doanh thu cung cấp dịch vụ	221.111.647	-
Doanh thu kinh doanh Bất động sản	799.958.418	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên		
Mua thép	5.373.388.769	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam		
Thuê kho	-	278.376.000
Chi phí sử dụng điện nước	83.774.995	-
Doanh thu bán hàng hóa	7.472.899.859	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	745.195.256	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	198.845.930.249	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>
Hàng bán bị trả lại	58.704.243	-
Doanh thu kinh doanh Bất động sản	60.573.765	-
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	397.710.086	-
Doanh thu kinh doanh bất động sản	970.037.394	-
Mua sơn	8.301.471	-
Công ty Cổ phần BĐS Hoa Anh Đào		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.923.553	-
Doanh thu kinh doanh bất động sản	103.057.711	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, V.04, V.12, V.13, còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn		
Phải thu khác	220.000.000	220.000.000
Công ty TNHH Sơn Kansai-Alphanam		
Phải thu khác	5.694.118	-
Cộng nợ phải thu	<u>225.694.118</u>	<u>220.000.000</u>

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á		
Phải trả khác	481.299.340	235.523.263
Cộng nợ phải trả	<u>481.299.340</u>	<u>235.523.263</u>

03. Thuê hoạt động***Các hợp đồng đi thuê***

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	4.021.196.603	4.633.716.364
Trên 1 năm đến 5 năm	12.953.233.016	7.464.865.455
Trên 5 năm	28.822.201.373	42.819.384.242
Cộng	<u>45.796.630.992</u>	<u>54.917.966.061</u>

- Công ty thuê toàn bộ toà nhà địa chỉ số 2 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2012 đến ngày 01 tháng 4 năm 2015 và đã gia hạn thêm đến ngày 31 tháng 7 năm 2018 theo Phụ lục số 02 ngày 05 tháng 01 năm 2015. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.
- Công ty thuê toàn bộ sàn tầng 02, tầng lửng (tầng 3B) và sàn tầng 3 thuộc dự án nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ công cộng Sakura Tower – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội dưới hình thức thuê hoạt động. Thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2013 và có khả năng được gia hạn thêm. Tổng chi phí thuê là 71.818.181.818 đồng và không có điều chỉnh trong thời gian thực hiện hợp đồng.

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	15.421.518.973	13.939.478.344
Trên 1 năm đến 5 năm	32.919.051.739	29.462.644.054
Trên 5 năm	2.983.355.841	14.904.774.960
Cộng	<u>51.323.926.552</u>	<u>58.306.897.358</u>

Đơn vị tính: VND

- Công ty cho thuê toàn bộ tòa nhà tại địa chỉ số 02 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành. Hợp đồng cho thuê có hiệu lực trong khoảng từ 01 tháng 8 năm 2012 đến 01 tháng 8 năm 2018 và có khả năng được gia hạn thêm.
- Công ty đã cho thuê toàn bộ tầng 3 và tầng lửng (tầng 3B) tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Một phần diện tích cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013 và một phần cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 2 năm 2015.
- Công ty đã cho thuê toàn bộ tầng 1 tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội trong thời hạn kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 31 tháng 12 năm 2018.

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Miền Bắc
- Miền Trung
- Miền Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	143.267.989.637	307.657.943.391	12.137.244.479	463.063.177.507
- Chi phí trực tiếp	137.310.380.207	302.446.702.695	11.320.425.608	451.077.508.510
- Chi phí phân bổ	5.324.555.132	5.139.248.600	281.646.574	10.745.450.306
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	633.054.298	71.992.096	535.172.297	1.240.218.691
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	7.542.014.541	-	-	7.542.014.541
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.969.369.209	4.229.082.032	166.839.192	6.365.290.433
Số dư tại ngày 30/6/2017				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	118.161.690.797	253.731.573.532	10.010.312.373	381.903.576.702
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	42.524.640.219	91.318.677.580	3.602.562.973	137.445.880.772
- Tài sản không phân bổ				25.767.779.681
Tổng tài sản	160.686.331.016	345.050.251.112	13.612.875.346	545.117.237.155
- Nợ phải trả bộ phận	111.009.149.397	238.371.993.333	9.404.370.013	358.785.512.743
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	15.113.547.943	32.455.282.505	1.280.375.517	48.849.205.965
- Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả	126.122.697.340	270.827.275.838	10.684.745.530	407.634.718.708

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	180.391.473.064	6.170.932.276	7.970.911.593	194.533.316.933
- Chi phí trực tiếp	171.748.428.414	5.202.648.650	7.425.472.234	184.376.549.298
- Chi phí phân bổ	8.848.726.542	302.702.180	390.996.402	9.542.425.124
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(205.681.892)	665.581.446	154.442.957	614.342.511
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	5.443.592.211	-	-	5.443.592.211
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.212.401.792	144.100.194	186.132.314	4.542.634.300
Số dư tại ngày 30/6/2016				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	206.135.360.953	1.638.583.081	8.363.095.820	216.137.039.854
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	228.078.965.247	7.802.252.646	10.078.066.537	245.959.284.430
- Tài sản không phân bổ				2.510.695.900
Tổng tài sản	434.214.326.200	9.440.835.727	18.441.162.357	464.607.020.184
- Nợ phải trả bộ phận	261.123.589.535	194.524.147	16.689.823.282	278.007.936.964
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	48.219.319.575	1.649.513.419	2.130.654.664	51.999.487.658
- Nợ phải trả không phân bổ				-
Tổng nợ phải trả	309.342.909.110	1.844.037.566	18.820.477.946	330.007.424.622

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C
Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động xây lắp
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực 3: Lĩnh vực khác

	Hoạt động xây lắp điện	Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực khác (dịch vụ, cho thuê, kinh doanh bất động sản)	Đơn vị tính: VND
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	387.268.586.861	64.508.629.216	11.285.961.430	463.063.177.507
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	455.891.965.418	75.939.455.865	13.285.815.872	545.117.237.155
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	6.307.530.927	1.050.666.611	183.817.002	7.542.014.541
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	9.244.074.780	171.610.664.211	13.678.577.942	194.533.316.933
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	22.077.771.076	409.860.483.479	32.668.765.629	464.607.020.184
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	258.675.348	4.802.151.579	382.765.284	5.443.592.211

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**06. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thu tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	248.633.619.794	1.162.500.000	-	249.796.119.794
Vay và nợ	42.281.205.798	1.972.782.774	-	44.253.988.572
Chi phí phải trả	118.826.916	-	-	118.826.916
Các khoản phải trả khác	4.816.234.334	4.595.217.394	-	9.411.451.728
Cộng	<u>295.849.886.842</u>	<u>7.730.500.168</u>	-	<u>303.580.387.010</u>
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	93.826.192.386	1.162.500.000	-	94.988.692.386
Vay và nợ	44.782.074.990	2.171.874.995	-	46.953.949.985
Chi phí phải trả	585.531.002	-	-	585.531.002
Các khoản phải trả khác	6.759.453.884	4.613.633.894	-	11.373.087.778
Cộng	<u>145.953.252.262</u>	<u>7.948.008.889</u>	-	<u>153.901.261.151</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47, phố Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

09. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Tuấn Trang

Trương Thị Thu Hiền

Bùi Hoàng Tuấn